

10. TỈNH QUẢNG NINH

DANH SÁCH

Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi,

thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026

của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
	Tổng cộng	477	430	363	0
1	Xã Quảng La	19	19	19	0
		1 Thôn Khe Cát	X	X	
		2 Thôn Đồng Mùng	X	X	
		3 Thôn Bằng Anh	X	X	
		4 Thôn Khe Đồng	X	X	
		5 Thôn Khe Mực	X	X	
		6 Thôn Hang Trăn	X	X	
		7 Thôn Tân Lập	X	X	
		8 Thôn Đất Đỏ	X	X	
		9 Thôn 1	X	X	
		10 Thôn 2	X	X	
		11 Thôn 3	X	X	
		12 Thôn 4	X	X	
		13 Thôn 5	X	X	
		14 Thôn 6	X	X	
		15 Thôn Bằng Cả 1	X	X	
		16 Thôn Bằng Cả 2	X	X	
		17 Thôn Bằng Cả 3	X	X	
		18 Thôn Dân Chủ 1	X	X	
		19 Thôn Dân Chủ 2	X	X	
2	Xã Thống Nhất	16	16	8	0
		1 Thôn Đồng Cao	X		
		2 Thôn Đá Trắng	X		
		3 Thôn Đồng Vải	X	X	
		4 Thôn Lương Kỳ	X	X	
		5 Thôn Đồng Cháy	X	X	
		6 Thôn Đồng Chùa	X	X	
		7 Thôn Bãi Cát	X		
		8 Thôn Lán Dè	X		
		9 Thôn Chợ	X		
		10 Thôn Đồng Rùa	X		
		11 Thôn Đồng Mơ	X		
		12 Thôn Đồng Sang	X		
		13 Thôn Đồng Lá	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		14 Thôn Thác Cát	X	X	
		15 Thôn Đồng Quặng	X	X	
		16 Thôn Đồng Trà	X	X	
3	Xã Hải Hòa	9	9	7	0
		1 Thôn 1	X		
		2 Thôn 3	X	X	
		3 Thôn Hà Tranh	X	X	
		4 Thôn Cầu trắng	X	X	
		5 Thôn Khe	X	X	
		6 Thôn Ngoài	X	X	
		7 Thôn Đồng Cói	X	X	
		8 Thôn Sơn Hải	X	X	
		9 Thôn Hà Loan	X		
4	Xã Tiên Yên	21	21	0	0
		1 Thôn Tam Thịnh	X		
		2 Thôn Lý Thường Kiệt	X		
		3 Thôn Long Tiên	X		
		4 Thôn Long Thành	X		
		5 Thôn Xóm Nương	X		
		6 Thôn Đồng Châu	X		
		7 Thôn Cống To	X		
		8 Thôn Thủy Cơ	X		
		9 Thôn Tênh Pò	X		
		10 Thôn Nà Cà	X		
		11 Thôn Văn Mây	X		
		12 Thôn Khe Vè	X		
		13 Thôn Hồng Phong	X		
		14 Thôn Hợp Thành	X		
		15 Thôn Cao Lâm	X		
		16 Thôn Đồng Đình	X		
		17 Thôn Hua Cầu	X		
		18 Thôn Pạc Sủi	X		
		19 Thôn Phú Cường	X		
		20 Thôn Đồng Và	X		
		21 Thôn Khe Mười	X		
5	Xã Điền Xá	15	15	12	0
		1 Thôn Khe Muối	X		
		2 Thôn Phú Hoà	X		
		3 Thôn Liên Hoà	X	X	
		4 Thôn Đồng Tâm	X	X	
		5 Thôn Khe Tiên	X	X	
		6 Thôn Pắc Phai	X	X	
		7 Thôn Tiên Hải	X		
		8 Thôn Chiến Thắng	X	X	
		9 Thôn Khe Vàng	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		10 Thôn Bắc Lù	X	X	
		11 Thôn Tân Lập	X	X	
		12 Thôn Hà Bắc	X	X	
		13 Thôn Hà Lâm	X	X	
		14 Thôn Thống Nhất	X	X	
		15 Thôn Đoàn Kết	X	X	
6	Xã Đông Ngũ	20	20	8	0
		1 Thôn Đông Ngũ	X		
		2 Thôn Đông Nam	X		
		3 Thôn Đông Dương	X		
		4 Thôn Đông Thắng	X		
		5 Thôn Đồng Đạm	X		
		6 Thôn Bình Sơn	X	X	
		7 Thôn Quê Sơn	X	X	
		8 Thôn Đồng Mộc	X		
		9 Thôn Đông Hồng	X		
		10 Thôn Nà Bắc	X		
		11 Thôn Làng Dài	X		
		12 Thôn Hà Tràng Đông	X		
		13 Thôn Hội Phố	X		
		14 Thôn Phương Nam	X		
		15 Thôn Khe Lục	X	X	
		16 Thôn Khe Ngàn	X	X	
		17 Thôn Khe Quang	X	X	
		18 Thôn Phài Giác	X	X	
		19 Thôn Kéo Kai	X	X	
		20 Thôn Khe Lặc	X	X	
7	Xã Hải Lạng	10	10	2	0
		1 Thôn Hà Dong Bắc	X	X	
		2 Thôn Hà Dong Nam	X		
		3 Thôn Thống Nhất	X		
		4 Thôn Bình Minh	X		
		5 Thôn Trường Tùng	X		
		6 Thôn Trường Tiến	X	X	
		7 Thôn Đồi Mây	X		
		8 Thôn Hà Thụ	X		
		9 Thôn Hạ	X		
		10 Thôn Bồn	X		
8	Xã Lương Minh	15	15	15	0
		1 Thôn Tân Ốc 1	X	X	
		2 Thôn Tân Ốc 2	X	X	
		3 Thôn Khe Càn	X	X	
		4 Thôn Phủ Liễn	X	X	
		5 Thôn Xóm Mới	X	X	
		6 Thôn Đồng Giảng A	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7 Thôn Đồng Giảng B	X	X	
		8 Thôn Đồng Cầu	X	X	
		9 Thôn Bãi Liêu	X	X	
		10 Thôn Khe Nà	X	X	
		11 Thôn Khe Giấy	X	X	
		12 Thôn Đồng Doong	X	X	
		13 Thôn Khe Áng	X	X	
		14 Thôn Đồng Tán	X	X	
		15 Thôn Đồng Quánh	X	X	
9	Xã Kỳ Thượng	20	20	20	0
		1 Thôn Đồng Tiến	X	X	
		2 Thôn Đồng Loóng	X	X	
		3 Thôn Pha Lán	X	X	
		4 Thôn Khe Nháng	X	X	
		5 Thôn Đồng Thầm	X	X	
		6 Thôn Làng Dạ	X	X	
		7 Thôn Làng Lốc	X	X	
		8 Thôn Khe Ôn	X	X	
		9 Thôn Khe Xa	X	X	
		10 Thôn Bắc Xa	X	X	
		11 Thôn Bắc Cáp	X	X	
		12 Thôn Khe Mầu	X	X	
		13 Thôn Bắc Tập	X	X	
		14 Thôn Hồng Tiến	X	X	
		15 Thôn Đồng Khoang	X	X	
		16 Thôn Xóm Đình	X	X	
		17 Thôn Đồng Dầm	X	X	
		18 Thôn Khe Tre	X	X	
		19 Thôn Khe Phương	X	X	
		20 Thôn Khe Lương	X	X	
10	Xã Ba Chẽ	38	38	36	0
		1 Thôn Khe Lọng Trong	X	X	
		2 Thôn Khe Lọng Ngoài	X	X	
		3 Thôn Bắc Vắn	X	X	
		4 Thôn Thành Công	X	X	
		5 Thôn Khe Pụt	X	X	
		6 Thôn Khe Lò	X	X	
		7 Thôn Khe Nà	X	X	
		8 Thôn Lò Vôi	X	X	
		9 Thôn Sơn Hải	X	X	
		10 Thôn Khe Sâu	X	X	
		11 Thôn Cái Gian	X	X	
		12 Thôn Nam Hả Trong	X	X	
		13 Thôn Nam Hả Ngoài	X	X	
		14 Thôn Khe Hố	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		15 Thôn Khe Tâm	X	X	
		16 Thôn Làng Mới	X	X	
		17 Thôn Nước Đứng	X	X	
		18 Thôn Tàu Tiên	X	X	
		19 Thôn Nam Kim	X	X	
		20 Thôn Làng Han	X	X	
		21 Thôn Pắc Cáy	X	X	
		22 Thôn Lang Cang	X	X	
		23 Thôn Làng Mô	X	X	
		24 Thôn Tân Tiến	X	X	
		25 Thôn Khe Vàng	X	X	
		26 Thôn Nà Bắp	X	X	
		27 Thôn Khe Mẩn	X	X	
		28 Thôn Làng Cống	X	X	
		29 Thôn Nà Làng	X	X	
		30 Thôn Khe Mười	X	X	
		31 Thôn 1	X	X	
		32 Thôn 2	X		
		33 Thôn 3	X		
		34 Thôn 3A	X	X	
		35 Thôn 4	X	X	
		36 Thôn 5	X	X	
		37 Thôn 6	X	X	
		38 Thôn 7	X	X	
11	Xã Quảng Tân	27	26	21	0
		1 Thôn Hải An	X	X	
		2 Thôn Đông Thành	X	X	
		3 Thôn Thìn Thủy	X	X	
		4 Thôn An Sơn	X	X	
		5 Thôn Làng Ngang	X	X	
		6 Thôn Nà Thông	X	X	
		7 Thôn Nà Cáng	X	X	
		8 Thôn Nà Pá	X	X	
		9 Thôn Tán Trúc Tùng	X	X	
		10 Thôn Màu Sán Cẩu	X	X	
		11 Thôn Tầm Làng	X	X	
		12 Thôn Tây	X		
		13 Thôn Đồng Tâm	X		
		14 Thôn Yên Sơn	X		
		15 Thôn Tân Đông	X		
		16 Thôn Tân Liên	X		
		17 Thôn Tân Sơn	X		
		18 Thôn Trung Sơn	X	X	
		19 Thôn Châu Hà	X	X	
		20 Thôn An Lợi		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		21 Thôn An Bình	X	X	
		22 Bản Thanh Lâm	X	X	
		23 Bản Tài Lý Sáy	X	X	
		24 Bản Siềng Lống	X	X	
		25 Bản Thanh Bình	X	X	
		26 Bản Siệc Lống Mìn	X	X	
		27 Bản Lý Khoái	X	X	
12	Xã Đầm Hà	15	15	0	0
		1 Thôn Làng Y	X		
		2 Thôn Nhâm Cao	X		
		3 Thôn Làng Ruộng	X		
		4 Thôn Tân Hà	X		
		5 Thôn Bình Nguyên	X		
		6 Thôn Tân Trung	X		
		7 Thôn Tân Tiến	X		
		8 Thôn Tân Thành	X		
		9 Thôn Tân Lương	X		
		10 Thôn Cái Gia	X		
		11 Thôn Bình Hải	X		
		12 Thôn Hà Lai	X		
		13 Thôn Lập Tân	X		
		14 Thôn Tân Mai	X		
		15 Thôn Tân Hợp	X		
13	Xã Đường Hoa	18	18	18	0
		1 Thôn Mây Nháu	X	X	
		2 Thôn Pạc Sủi	X	X	
		3 Thôn Lý Quảng	X	X	
		4 Thôn Quảng Sơn 3	X	X	
		5 Thôn Mố Kiệc	X	X	
		6 Thôn Lò Má Coọc	X	X	
		7 Thôn Quảng Mới	X	X	
		8 Thôn Sán Cáy Coọc	X	X	
		9 Thôn Quảng Sơn 4	X	X	
		10 Thôn Lý Vạn	X	X	
		11 Thôn Cầu Phùng	X	X	
		12 Thôn Tài Chi	X	X	
		13 Thôn Đường Hoa 1	X	X	
		14 Thôn Đường Hoa 8	X	X	
		15 Thôn Đường Hoa 5	X	X	
		16 Thôn Đường Hoa 7	X	X	
		17 Thôn Tiến Tới	X	X	
		18 Thôn Đường Hoa 3	X	X	
14	Xã Quảng Đức	17	15	17	0
		1 Thôn 3	X	X	
		2 Thôn Hải Sơn		X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		3 Thôn Hải Đông	X	X	
		4 Thôn Hải An		X	
		5 Bản Quảng Hợp	X	X	
		6 Bản Lý Nà	X	X	
		7 Bản Chấn Mùi	X	X	
		8 Bản Tình Á	X	X	
		9 Bản Nà Lý	X	X	
		10 Bản Kháy Phầu	X	X	
		11 Bản Tài Phố	X	X	
		12 Bản Pạc Này	X	X	
		13 Bản Cầu Lìm	X	X	
		14 Bản Mả Thầu Phố	X	X	
		15 Bản Pò Hèn	X	X	
		16 Bản Vắn Tốc	X	X	
		17 Bản Mốc 13	X	X	
15	Xã Hoàn Mô	22	22	22	0
		1 Thôn Đồng Thanh	X	X	
		2 Thôn Đồng Mô	X	X	
		3 Thôn Cửa Khẩu	X	X	
		4 Thôn Nà Sa	X	X	
		5 Thôn Pắc Cương	X	X	
		6 Thôn Pắc Pộc	X	X	
		7 Thôn Đồng Cậm	X	X	
		8 Thôn Phặc Chè	X	X	
		9 Thôn Nậm Đảng	X	X	
		10 Thôn Nà Choòng	X	X	
		11 Thôn Nà Pò	X	X	
		12 Thôn Ngàn Cậm	X	X	
		13 Thôn Lòong Vài	X	X	
		14 Thôn Cao Sơn	X	X	
		15 Thôn Khu Chợ	X	X	
		16 Thôn Đồng Thắng	X	X	
		17 Thôn Khe Mọi	X	X	
		18 Thôn Khe Tiền	X	X	
		19 Thôn Cầm Hắc	X	X	
		20 Thôn Sông Moóc	X	X	
		21 Thôn Phai Lầu	X	X	
		22 Thôn Phật Chỉ	X	X	
16	Xã Lục Hồn	29	29	29	0
		1 Thôn Cao Thắng	X	X	
		2 Thôn Bản Cẩu	X	X	
		3 Thôn Bản Pạt	X	X	
		4 Thôn Lục Nà	X	X	
		5 Thôn Cốc Lồng	X	X	
		6 Thôn Khau Pưởng	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		7 Thôn Khe O	X	X	
		8 Thôn Nà Luông	X	X	
		9 Thôn Nặm Tú	X	X	
		10 Thôn Ngàn Chuông	X	X	
		11 Thôn Ngàn Mèo Trên	X	X	
		12 Thôn Ngàn Mèo Dưới	X	X	
		13 Thôn Ngàn Pát	X	X	
		14 Thôn Pắc Phe	X	X	
		15 Thôn Phá Lạn	X	X	
		16 Thôn Bản Chuông	X	X	
		17 Thôn Nà Áng	X	X	
		18 Thôn Pắc Pò	X	X	
		19 Thôn Sam Quang	X	X	
		20 Thôn Phiêng Sáp	X	X	
		21 Thôn Chè Phạ	X	X	
		22 Thôn Ngàn Phe	X	X	
		23 Thôn Đồng Long	X	X	
		24 Thôn Nà Khau	X	X	
		25 Thôn Nà Tào	X	X	
		26 Thôn Ngàn Vàng Trên	X	X	
		27 Thôn Ngàn Vàng Dưới	X	X	
		28 Thôn Ngàn Vàng Giữa	X	X	
		29 Thôn Kéo Chẩn	X	X	
17	Xã Bình Liêu	35	35	35	0
		1 Thôn Nà Làng	X	X	
		2 Thôn Bình Công II	X	X	
		3 Thôn Nà Nhái	X	X	
		4 Thôn Nà Cáp	X	X	
		5 Thôn Co Nhan	X	X	
		6 Thôn Bình Quân	X	X	
		7 Thôn Lục Ngù	X	X	
		8 Thôn Khe Mố	X	X	
		9 Thôn Nà Luông	X	X	
		10 Thôn Bản Làng	X	X	
		11 Thôn Pắc Pùng	X	X	
		12 Thôn Cầu Sắt	X	X	
		13 Thôn Sú Cẩu	X	X	
		14 Thôn Pò Đán	X	X	
		15 Thôn Pắc Liêng	X	X	
		16 Thôn Nà Mo	X	X	
		17 Thôn Khe Vằn	X	X	
		18 Thôn Ngàn Chi	X	X	
		19 Thôn Khe Lạc	X	X	
		20 Thôn Khe Và	X	X	
		21 Thôn Nà Ếch	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		22 Thôn Chang Nà	X	X	
		23 Thôn Nà Phạ	X	X	
		24 Thôn Bán Ngà	X	X	
		25 Thôn Thông Châu	X	X	
		26 Thôn Bình Quyền	X	X	
		27 Thôn Khe Lánh	X	X	
		28 Thôn Bình Công I	X	X	
		29 Thôn Bình An	X	X	
		30 Thôn Khe Bốc	X	X	
		31 Thôn Bình Đăng	X	X	
		32 Thôn Nà Kẽ	X	X	
		33 Thôn Mạ Chạt	X	X	
		34 Thôn Tùng Cầu	X	X	
		35 Thôn Khủi Luông	X	X	
18	Xã Hải Sơn	7	7	6	0
		1 Thôn Lục Phủ	X	X	
		2 Thôn Phình Hồ	X		
		3 Thôn Pẹc Nà	X	X	
		4 Thôn Thán Phún	X	X	
		5 Thôn Thán Phún Xã	X	X	
		6 Thôn Lục Chấn	X	X	
		7 Thôn Pò Hèn	X	X	
19	Phường Hoàn Bồ	14	14	4	0
		1 Khu phố Đồng Dạng	X		
		2 Khu phố Đồng Giang	X		
		3 Khu phố Mỏ Đông	X		
		4 Khu phố Vườn Cau	X		
		5 Khu phố Vườn Rậm	X		
		6 Khu phố Đồng Vang	X		
		7 Khu phố Đồng Bé	X	X	
		8 Khu phố Hà Lùng	X		
		9 Khu phố Trại Me	X		
		10 Khu phố Đồng Ho	X		
		11 Khu phố Đồng Giữa	X		
		12 Khu phố Đèo Độc	X	X	
		13 Khu phố Cài	X	X	
		14 Khu phố Khe Lèn	X	X	
20	Đặc khu Vân Đồn	58	24	57	0
		1 Thôn Nà Sẩn		X	
		2 Thôn Đông Lĩnh		X	
		3 Thôn Diên Xá	X	X	
		4 Thôn Đầm Tròn	X	X	
		5 Thôn Vòng Tre	X	X	
		6 Thôn Đồng Đá	X	X	
		7 Thôn Đồng Cống	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		8 Thôn Đài Van	X	X	
		9 Thôn Xuyên Hùng	X	X	
		10 Thôn Ký Vây		X	
		11 Thôn Voòng Tre	X	X	
		12 Thôn Khe Ngái	X	X	
		13 Thôn Khe Mai	X	X	
		14 Thôn Bò Lạy	X		
		15 Thôn Tràng Hương	X	X	
		16 Thôn Đông Sơn		X	
		17 Thôn Đông Thịnh	X	X	
		18 Thôn Đông Hợp	X	X	
		19 Thôn Đông Trung		X	
		20 Thôn Đông Hải	X	X	
		21 Thôn Đông Thành	X	X	
		22 Thôn Đông Tiến		X	
		23 Thôn Đông Hà		X	
		24 Thôn Đông Thắng		X	
		25 Thôn Cặp Tiên		X	
		26 Thôn 1		X	
		27 Thôn 2		X	
		28 Thôn 3		X	
		29 Thôn 4	X	X	
		30 Thôn 5		X	
		31 Thôn 6		X	
		32 Thôn 7		X	
		33 Thôn 8	X	X	
		34 Thôn 9		X	
		35 Thôn 10		X	
		36 Thôn 11		X	
		37 Thôn 12		X	
		38 Thôn Ninh Hải		X	
		39 Thôn Ngọc Nam		X	
		40 Thôn Bình Minh	X	X	
		41 Thôn Bình Hải		X	
		42 Thôn Thái Hoà		X	
		43 Thôn Yên Hải		X	
		44 Thôn Sơn Hào		X	
		45 Thôn Tân Lập		X	
		46 Thôn Cống Đông		X	
		47 Thôn Cống Tây		X	
		48 Thôn Quyết Thắng		X	
		49 Thôn Thi Đua		X	
		50 Thôn Đài Làng	X	X	
		51 Thôn Đài Mỏ	X	X	
		52 Thôn Cái Bàu	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		53 Thôn 10/10	X	X	
		54 Khu phố 1		X	
		55 Khu phố 2		X	
		56 Khu phố 3		X	
		57 Khu phố 4		X	
		58 Khu phố 6	X	X	
21	Xã Quảng Hà	10	10	3	0
		1 Thôn Quảng Phong 5	X		
		2 Thôn Quảng Phong 6	X		
		3 Thôn Quảng Phong 7	X	X	
		4 Thôn Quảng Phong 8	X	X	
		5 Thôn Quảng Phong 9	X	X	
		6 Thôn Quảng Minh 7	X		
		7 Thôn Quảng Minh 9	X		
		8 Thôn Quảng Chính 4	X		
		9 Thôn Quảng Long 1	X		
		10 Thôn Quảng Long 2	X		
22	Xã Hải Ninh	4	2	3	0
		1 Thôn Quảng Nghĩa 3	X		
		2 Thôn Quảng Nghĩa 5	X	X	
		3 Thôn Hải Tiến 7		X	
		4 Thôn Hải Tiến 8		X	
23	Phường Vàng Danh	3	2	3	0
		1 Khu phố Vàng Danh 7	X	X	
		2 Khu phố Vàng Danh 9		X	
		Khu phố Miếu Thán - 3 Đồng Bông	X	X	
24	Phường Yên Tử	10	7	10	0
		1 Khu phố Tân Lập 2		X	
		2 Khu phố Cửa Ngăn		X	
		3 Khu phố Khe Sủ 1	X	X	
		4 Khu phố Khe Sủ 2	X	X	
		5 Khu phố Năm Mẫu 1	X	X	
		6 Khu phố Năm Mẫu 2	X	X	
		7 Khu phố Miếu Bông		X	
		8 Khu phố Tập Đoàn	X	X	
		9 Khu phố Đồng Chanh	X	X	
		Khu phố Quan Điền - 10 Khe Thần	X	X	
25	Phường Mông Dương	9	5	8	0
		1 Khu phố 4		X	
		2 Khu phố 9		X	
		3 Khu phố 10	X	X	
		4 Khu phố 13		X	
		5 Khu phố Đồng Tiến	X	X	

TT	Tên xã	Tên thôn vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó		Thôn đặc biệt khó khăn
			Dân tộc thiểu số	Miền núi	
		6 Khu phố Đoàn Kết	X	X	
		7 Khu phố Tân Hải	X		
		8 Khu phố Thác Bạc	X	X	
		9 Khu phố Khe Sím		X	
26	Phường Quang Hanh (39)	1	1	0	0
		1 Khu phố 7A	X		
27	Phường Hà Tu	1	1	0	0
		1 Khu phố Hà Phong 3	X		
28	Phường Cửa Ông	6	6	0	0
		1 Khu phố Cẩm Phú 2B	X		
		2 Khu phố Cẩm Phú 8A	X		
		3 Khu phố Cẩm Phú 8B	X		
		4 Khu phố Cẩm Thịnh 1	X		
		5 Khu phố Cẩm Thịnh 2	X		
		6 Khu phố Cẩm Thịnh 7B	X		
29	Phường Bình Khê	8	8	0	0
		1 Khu phố Bắc Sơn	X		
		2 Khu phố Phú Ninh	X		
		3 Khu phố Bến Vuông	X		
		4 Khu phố Quán Vuông	X		
		5 Khu phố Trung Lương	X		
		6 Khu phố Năm Giai	X		
		7 Khu phố Trại Thụ	X		
		8 Khu phố Linh Tràng	X		

Ghi chú: Dấu “X” tại các cột tương ứng thể hiện thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn miền núi hoặc thôn đặc biệt khó khăn